

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2021/DS-ST

Ngày: 12- 11-2021

V/v: “*Chia di sản thừa kế theo pháp luật
và chia tài sản chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đông Thanh
- ***Các hội thẩm nhân dân:*** Ông Hà Đồng Tịnh và bà Dương Thị Bình
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Mỹ Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:*** Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 40/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021, về việc: “*Chia di sản thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2021/QĐST- DS ngày 28/10/2021; giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông **Ngô R**, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ 39, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Ngô M H**, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 39, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng, theo giấy ủy quyền ngày 28/5/2021 do Văn phòng Công chứng Nguyễn Thị Như N; địa chỉ: Số 155 Nguyễn Hữu T, thành phố Đà Nẵng chứng thực. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và Lích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông **Phạm Văn N** - Luật sư, Văn phòng Luật sư Quảng Đà - thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: 242/4 Điện Biên P, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Ông **Ngô M T (Ngô M D)**, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Ngô Thị Y**, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ 70, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

2. Ông **Ngô M T1**, sinh năm 1962; địa chỉ: Số 34 Lương Thế V, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt.*

3. Bà **Ngô Thị M Y**, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 14, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

4. Ông **Ngô M Đ**, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 72, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

5. Bà **Ngô Thị M H**, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 11, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

6. Bà **Lê Thị T**, sinh năm 1959. *Vắng mặt.*

7. Anh **Ngô M Chí Th**, sinh năm 1993. *Vắng mặt.*

8. Chị **Ngô Thị Khánh Tr**, sinh năm 2001. *Vắng mặt.*

9. Cháu **Ngô Thị Khánh Th1**, sinh năm 2006. *Vắng mặt.*

Ông Ngô M T và bà Lê Thị T là cha mẹ ruột của cháu Th1 làm người giám hộ.

Cùng trú tại: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 21/3/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:*

Cha tôi là ông Ngô M (O), (sinh năm 1928, chết năm 1975) và mẹ là bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C), (sinh năm 1929, chết năm 2011). Cha mẹ tôi sinh được 07 người con gồm: Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô Thị M Y, Ngô M Đ, Ngô Thị M H, Ngô M T (Ngô M D) và tôi - Ngô R. Ông bà nội, ngoại của chúng tôi đều đã chết trước cha, mẹ tôi. Ngoài 07 anh chị em chúng tôi thì cha mẹ tôi không còn có người thừa kế nào khác.

Sinh thời, cha mẹ tôi có tạo lập được ngôi nhà và đất tại phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Quá trình quản lý sử dụng thửa đất cha mẹ tôi đã cho ông Ngô M T một phần diện tích đất làm nhà ở nhưng sau đó ông T đã chuyển nhượng phần đất này cho người khác. Phần diện tích đất còn lại 326,1m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 35 đã được UBND TP. Đà Nẵng thu hồi theo Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 13/12/2010 để thực hiện dự án Khu dân cư làng cá Nại Hiên Đ. Đồng thời, Nhà nước đã bố trí lại cho gia đình tôi 02 Lô đất tái định cư đường 10,5m và đường 5,5m tại Khu dân cư Làng cá Nại Hiên Đ theo Quyết định số 7029/QĐ-UBND ngày 15/8/2011. Sau đó, anh em chúng tôi thống nhất giao cho ông Ngô M Đ lô đất đường 10,5m để làm nhà ở; lô đất đường 5,5m còn lại thuộc sở hữu chung của 07 anh chị em chúng tôi. Theo đó, Ban quản lý dự án phát triển đô thị Đà Nẵng đã cấp chung cho 07 anh chị em chúng tôi Lô đất số 63 Khu A3 đường 5,5m có diện tích 90m² tại Khu dân cư làng cá Nại Hiên Đ (địa chỉ hiện nay là Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng) theo Phiếu đăng ký đất tái định cư ngày 19/10/2012.

Sau khi nhận lô đất nói trên, ông Ngô M T đã che chắn một ngôi nhà trên lô đất này và ở tạm từ đó cho đến nay. Anh chị em chúng tôi đã nhiều lần bàn bạc phân chia đối với khối di sản này nhưng ông T luôn ngăn cản, không chịu phân chia lô đất nói trên. Ngày 20/01/2021, tại UBND phường N chúng tôi đã lập Văn bản thỏa thuận cử

ông Ngô M T làm người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất đối với lô đất nêu trên.

Tuy nhiên, lợi dụng việc đại diện đứng tên lô đất này, ông T đã âm thầm làm các thủ tục nhằm chiếm giữ tài sản mà không phân chia theo quy định.

Do vậy, nay tôi làm đơn khởi kiện này yêu cầu TAND quận S giải quyết phân chia khối di sản thừa kế là Lô đất số 63 Khu A3 đường 5,5m có diện tích 90m² tại Khu dân cư làng cá N (địa chỉ hiện nay là Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N quận S, TP. Đà Nẵng) làm 07 kỹ phần cho các ông bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y.

Căn cứ theo Chứng thư thẩm định giá số: 146/TĐG -CT ngày 01/7/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng thì Lô đất trên có giá trị là: 3.636.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

Sau khi trừ đi số tiền ông T đã nộp tiền sử dụng đất: 707.656.500 đồng thì số tiền còn lại: 2.928.343.500 đồng, chia đều cho 07 kỹ phần, mỗi kỹ phần tương đương với số tiền, cụ thể như sau:

$$(3.636.000.000 \text{ đồng} - 707.656.500 \text{ đồng}) : 7 = 418.334.785 \text{ đồng}.$$

* *Luật sư bảo vệ quyền và Lích hợp pháp của nguyên đơn:* Không có Y kiến bổ sung.

* *Tại bản tự khai ngày 26/5/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn trình bày:*

Sinh thời, cha mẹ tôi là Ngô M (O), (sinh năm 1928, chết năm 1975) và mẹ là bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C), (sinh năm 1929, chết năm 2011) có tạo lập được ngôi nhà và đất tại phường N, quận S, TP. Đà Nẵng. Ngày 13/12/2010, UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số 353/QĐ-UBND thu hồi để thực hiện dự án Khu dân cư làng cá N. Đồng thời, Nhà nước đã bố trí lại cho gia đình tôi 02 Lô đất tái định cư đường 10,5m và đường 5,5m tại Khu dân cư Làng cá N theo Quyết định số 7029/QĐ-UBND ngày 15/8/2011. Sau đó, anh em chúng tôi thống nhất giao cho ông Ngô M Đ

lô đất đường 10,5m để làm nhà ở; Lô đất số 63 Khu A3 đường 5,5m có diện tích 90m² còn lại anh em chúng tôi thống nhất thỏa thuận để tôi đứng tên, thể hiện tại văn bản thỏa thuận ngày 20/01/2021.

Qua thỏa thuận trên, vào ngày 15/4/2021, tôi đã thối trả cho các anh chị em mỗi người 200.000.000 đồng nhưng do tôi khó khăn nên các anh chị em thống nhất chỉ nhận 150.000.000 đồng và các anh chị em đã giao toàn quyền cho tôi định đoạt lô đất trên. Riêng ông Ngô R không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu được chia theo pháp luật.

Tại kết quả Chứng thư thẩm định giá số: 146/TĐG -CT ngày 01/7/2021 của Công ty Cổ phần thẩm định giá và Dịch vụ tài chính Đà Nẵng thì Lô đất trên có giá trị là: 3.636.000.000 đồng (*Ba tỷ sáu trăm ba mươi sáu triệu đồng*) thì tôi thống nhất. Sau khi trừ đi số tiền tôi đã nộp tiền sử dụng đất 707.656.500 đồng và số tiền 750.000.000 đồng thối lại cho 05 kỷ phần (ông T1, ông Đ, bà H, bà Y và bà Y) và trích lại 50.000.000 đồng để lo tiền hương khói cho ông bà, còn lại chia cho 07 kỷ phần tương đương mỗi người nhận 304.049.071 đồng thì tôi không có khả năng thối trả do đó tôi đề nghị ông R đứng ra bán lô đất đó để chia cho 07 anh em.

Tôi đề nghị xem xét công sức đóng góp, bảo tồn tài sản cho tôi nhưng tôi không có yêu cầu phản tố.

** Tại bản tự khai ngày 26/5/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô M T1 trình bày:*

Tôi xác định tài sản của ba tôi là ông Ngô M (O) để lại chưa chia. Sau khi nhà nước thu hồi nhà đất của ba mẹ tôi tại tổ 32, phường N có diện tích 326,1m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 35, được UBND TP. Đà Nẵng thì bố trí lại 01 lô đất chính đường 10,5m - Khu dân cư Làng cá N và 01 lô đất phụ đường 5,5m-Khu dân cư Làng cá N. Đối với lô đất đất chính đường 10,5m thì các anh chị em thống nhất giao cho ông Ngô M Đ quản lý, sử dụng và đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Riêng lô đất đất phụ đường 5,5m hiện nay ông Ngô M T (D) đang quản lý,

sử dụng. Trên lô đất này hiện nay ông T đã xây dựng nhà và ở từ năm 2012 đến nay. Ngày 20/01/2021, tại UBND phường N chúng tôi đã lập Văn bản thỏa thuận cử ông Ngô M T làm người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất đối với lô đất nêu trên. Tuy nhiên, do ông T chưa có chỗ ở ổn định nên các anh chị em thống nhất giao cho ông T toàn quyền định đoạt lô đất này, ông T đã thôi lại cho anh em chúng tôi mỗi người 150.000.000 đồng và chúng tôi không yêu cầu gì thêm. Riêng ông Ngô R không đồng ý nhận số tiền 150.000.000 đồng nên đã khởi kiện yêu cầu chia theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, tôi đề nghị Tòa án giải quyết giao lô đất số 63, khu A3 tại khu dân cư làng cá N có địa chỉ hiện nay: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng cho ông Ngô M T toàn quyền định đoạt, ông T có trách nhiệm thôi lại cho ông Ngô R phần giá trị được nhận theo kết quả Chứng thư thẩm định giá sau khi đã trừ các nghĩa vụ mà ông T đã thực hiện.

** Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông bà Ngô Thị Y, Ngô Thị M Y, Ngô M Đ và Ngô Thị M H vắng mặt nhưng trong hồ sơ thể hiện:*

Chúng tôi xác nhận là đã nhận 150.000.000 đồng từ việc phân chia tài sản là Lô đất số 63 khu A3 đường 5,5m có diện tích 90m² tại KDC Làng cá N thuộc địa chỉ: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng từ ông Ngô M T (D), nên đã thống nhất giao toàn quyền cho ông Ngô M T (D) quản lý, sử dụng và định đoạt, đồng thời không yêu cầu gì thêm trong vụ án này.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T, anh Ngô M Chí Th, chị Ngô Thị Khánh Tr và cháu Ngô Thị Khánh Th1 (do ông T và bà T1 giám hộ) đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có Y kiến phản hồi.*

** Y kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:*

Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm như: cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; thu thập chứng cứ; xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đối với tài

sản tranh chấp; Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án; tiến hành lấy lời khai, đưa vụ án ra xét xử; chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô M T1: Chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông, bà: Ngô Thị Y, Ngô Thị M Y, Ngô M Đ, Ngô Thị M H, Lê Thị T, anh Ngô M Chí Th, chị Ngô Thị Khánh Tr và cháu Ngô Thị Khánh Th1 (do ông T và bà T1 giám hộ) đã được Tòa án đã triệu tập họp mà vẫn vắng mặt lần thứ hai là chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt những người nêu trên.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613 , 623, 649, 651, 658 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Án lệ số 06/2016/AL ngày 06/4/2016;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô R đối với ông Ngô M Trường về việc yêu cầu: “*Chia di sản thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung*” của cụ Ngô M và cụ Đặng Thị L.

- Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng tài sản của cụ M và di sản của cụ L gồm: Ông Ngô R, bà Ngô Thị Y, ông Ngô M T1, bà Ngô Thị M Y, ông Ngô M Đ, bà Ngô Thị M H và ông Ngô M T (D).

- Công nhận lô đất số hiệu: 63, khu A3 có chiều dài 18 m; chiều rộng 5m; diện tích 90m² - Khu dân cư Làng cá N tại địa chỉ: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (*chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Có tứ cận: Đông giáp: Số nhà 276 đường Bùi Huy B; Tây giáp: Số nhà 280 đường Bùi Huy B; Nam giáp: Đường Bùi Huy B; Bắc giáp: Đất trống; có giá trị 3.636.000.000 đồng là tài sản của cụ ông Ngô M (O) và cụ bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C) để lại.

Sau khi trích trừ 5% (181.800.000 đồng) công sức bảo quản di sản cho ông Ngô M T (D) và trừ tiền lệ phí trước bạ, tiền thuế đất: 707.656.500 đồng ông T đã nộp, giá trị tài sản còn lại để chia là: 2.746.543.500 đồng (*Hai tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng*).

**Về phân chia tài sản:*

- Tài sản của cụ M để lại là: $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất: 1.373.271.750 đồng; được chia thành 8 phần gồm: cho vợ là cụ Đặng Thị L và 07 người con gồm các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y, mỗi phần: 171.658.968 đồng.

- Di sản của cụ L để lại là: $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất: 1.373.271.750 đồng và giá trị tài sản cụ L được nhận từ tài sản của cụ M là: 171.658.968 đồng. Tổng cộng: 1.544.930.718 đồng; được chia cho 07 người con là các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y, mỗi phần: 220.704.388 đồng.

Tổng giá trị tài sản, các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y mỗi người được nhận là: 392.363.356 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà: Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị M Y và Ngô Thị M H về việc giao cho ông Ngô M T (D) được toàn quyền định đoạt, sO hữu kỷ phần của mình sau khi mỗi ông bà đã nhận từ ông T (D) số tiền 150.000.000 đồng.

Như vậy ông Ngô M Trường được hưởng giá trị tài sản tương đương: 2.354.180.136 đồng.

- Về giao di sản: Giao cho ông Ngô M T (D) lô đất số hiệu: 63, khu A3 gắn liền với ngôi nhà 1 tầng; diện tích 75m²; kết cấu T1 xây, vách tôn, nền gạch hoa + xi măng, mái lợp tôn, sà gồ gổ, phần hiên 15m² (mái tôn), tại số 278 Bùi Huy Bích, tổ 36, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Buộc ông Ngô M T (D) thời trả cho ông Ngô R số tiền: 392.363.356 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

Ông Ngô M T được liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà - đất tại 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

***Về chứng cứ:**

Những sự kiện không cần phải chứng minh:

Hàng thừa kế của cụ ông Ngô M (O) và cụ bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C) gồm các ông bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y.

Lô đất số 63 khu A3 đường 5,5m có diện tích 90m² tại KDC Làng cá Nại Hiên Đ thuộc địa chỉ: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng là tài sản của cụ ông Ngô M (O) và cụ bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C).

Trên lô đất ông Ngô M T (D) đã xây dựng ngôi nhà.

Các ông, bà: Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y đã nhận số tiền: 150.000.000đ.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Hàng thừa kế của cụ ông Ngô M (O) và cụ bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C) gồm các ông bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y.

Lô đất số 63 khu A3 đường 5,5m có diện tích 90m² tại KDC Làng cá Nại Hiên Đ thuộc địa chỉ: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng là tài sản của cụ ông Ngô M (O) và cụ bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C).

Trên lô đất ông Ngô M T (D) đã xây dựng ngôi nhà.

Những tình tiết các bên không thống nhất:

Ông Ngô R yêu cầu chia tài sản và di sản theo quy định.

Ông Ngô M T đồng ý với khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên căn cứ theo kết quả của Chứng thư thẩm định thì giá trị được thổi lại cho ông Ngô R quá cao nên ông không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu chia di sản thừa kế và chia tài sản chung đối với lô đất số 63, khu A3 tại khu dân cư làng cá N có địa chỉ hiện nay: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng giữa nguyên đơn ông Ngô R đối với bị đơn ông Ngô M T (D) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan các ông bà: Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô Thị M Y, Ngô M Đ, Ngô Thị M H, Lê Thị T, anh Ngô M Chí Th, chị Ngô Thị Khánh Tr và cháu Ngô Thị Khánh Th1 (do ông T và bà T1 giám hộ) đã được Tòa

án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ngô R đối với di sản thừa kế của cụ Ngô M và cụ Đặng Thị L thì thấy:

Cụ Ngô M chết ngày 23/9/1975, ông Ngô R nộp đơn khởi kiện vào ngày 21/3/2021, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015, thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Ngô M đã hết.

Tuy nhiên theo quy định tại mục 2.4 Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ M đã hết, các đồng thừa kế đều xác nhận tài sản của cụ M hiện nay vẫn chưa chia, nên nên tài sản của cụ M được xác định là tài sản chung.

Nguyên đơn ông Ngô R khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ M và cụ Lợi. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông R thay đổi yêu cầu của mình, ông R đề nghị chia tài sản chung của cụ M và giữ nguyên yêu cầu chia di sản thừa kế đối với cụ Lợi. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các đương sự tại và các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp (biên bản thỏa thuận và giấy nhận tiền) thể hiện các đồng thừa kế đều xác định tài sản của cụ M hiện nay vẫn chưa chia. Do đó, việc thay đổi yêu cầu của ông R phù hợp với hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2004/HĐTP ngày 10/8/2004. Mặt khác, về bản chất không làm thay đổi nội dung vụ án và không ảnh hưởng đến quyền và Lợi của các đương sự nên được chấp nhận.

Cụ Đặng Thị L chết ngày 20/7/2011, ông Ngô R khởi kiện vụ án ngày 21/3/2021, do đó thời hiệu khởi kiện về chia di sản thừa kế của cụ L vẫn còn theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là chia tài sản chung đối với tài sản của cụ M và chia di sản thừa kế đối với di sản của cụ L.

[2.2] Xét về hàng thừa kế: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng cụ Ngô M (O), (sinh năm 1928 - chết năm 1975) và cụ Đặng Thị L (Đặng Thị M C), (sinh năm 1929 - chết năm 2011). Cụ M và cụ L có 07 người con gồm các ông, bà: Ngô R, Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô Thị M Y, Ngô M Đ, Ngô Thị M H và Ngô M T (D). Cụ M và cụ L không có con riêng hay con nuôi nào khác. Cha mẹ ruột của cụ M và cụ L đều đã chết. Cụ M và cụ L không phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nào. Không ai tranh chấp về diện và hàng thừa kế nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng tài sản của Cụ M và di sản của cụ L gồm các ông, bà: Ngô R, Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô Thị M Y, Ngô M Đ, Ngô Thị M H và Ngô M T (D).

[2.3] Về nguồn gốc tài sản: Nguyên nhà và đất tại tổ 32, phường Nại Hiên Đ có diện tích 326,1m² thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 35, được UBND TP. Đà Nẵng là do cụ ông Ngô M và cụ bà Đặng Thị L tạo lập nên. Ngày 13/12/2010, UBND thành phố Đà Nẵng ra Quyết định số: 353/QĐ-UBND, thu hồi toàn bộ nhà đất nói trên và được bố trí 01 lô đất chính, đường 10,5m-Khu dân cư Làng cá N và 01 lô đất phụ đường 5,5m-Khu dân cư Làng cá N.

Riêng đối với lô đất chính đường 10,5m khu dân cư Làng cá N, các đồng thừa kế thống nhất giao cho ông Ngô M Đ đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận QSD đất và QSH tài sản gắn liền với đất số: CH02490 do UBND quận S cấp ngày 08/3/2021, đồng thời ông Đ có có trách nhiệm thờ cúng ông bà, cha mẹ. Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với lô đất phụ đường 5,5m các đương sự thống nhất xác định hiện nay trên lô đất ông Ngô M T đang xây dựng một ngôi nhà 1 tầng; diện tích 75m²; kết cấu T1 xây, vách tôn, nền gạch hoa + xi măng, mái lợp tôn, sà gồ gỗ, phần hiên 15m² (mái tôn), cổng ngõ bằng sắt. Các bên không tranh chấp phần xây dựng.

Như vậy, sau khi giải tỏa, bố trí đất tái định cư thì tài sản của cụ ông và cụ bà mà các bên yêu cầu Tòa án giải quyết là lô đất phụ đường 5,5m, có số hiệu: 63, khu

A3 - khu dân cư làng cá N tại Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng .

[2.4] Về phân chia di sản thừa kế và chia tài sản chung:

Theo kết quả của Chứng thư Thẩm định giá số: 146/TĐG-CT ngày 01/7/2021 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính thì giá trị lô đất có số hiệu: 63, khu A3, diện tích 90m² - khu dân cư làng cá N tại số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng và công trình xây dựng trên đất là: 3.680.000.000 đồng. Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất là: 3.636.000.000 đồng; giá trị công trình xây dựng: 44.280.000 đồng.

Do ông Ngô R chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế và chia tài sản chung là giá trị quyền sử dụng đất. Như vậy giá trị đất để chia là **3.636.000.000 đồng**.

[2.5] Xét về công sức bảo quản: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T (D) có yêu cầu đề nghị xem xét công sức đóng góp, bảo tồn tài sản thì thấy: Lô đất trên có nguồn gốc do UBND thành phố Đà Nẵng đền bù từ việc giải toả đất của cụ M và cụ L vào năm 2012. Vào ngày 20/01/2021, theo thỏa thuận của các đồng thừa kế, đã lập Văn bản thỏa thuận cử ông Ngô M T (D) thay mặt các đồng thừa kế thực hiện các thủ tục với nhà nước để được cấp giấy chứng nhận và làm người đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất đối với lô đất nêu trên. Như vậy theo quy định tại án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4 2016, thì ông T cũng có công sức trong việc bảo quản, giữ gìn làm tăng giá trị đất. Vì vậy, căn cứ theo Điều 658 BLDS, cần trích cho ông T 5% giá trị lô đất tương đương số tiền: 181.800.000 đồng.

[2.6] Đối với yêu cầu của ông T trích lại 50.000.000 đồng để lo hương khói cho ông bà thì thấy: Tại phiên tòa hôm nay, ông T xác định việc đề nghị trích lại 50.000.000 đồng để lo hương khói cho ông bà chỉ là Y định của ông, thực tế số tiền này chưa chi. Do đó, yêu cầu này của ông không được chấp nhận.

[2.7] Về số tiền lệ phí trước bạ và thuế đất: Ngày 26/02/2021, ông Ngô M T (D) đại diện cho các đồng thừa kế đã nộp số tiền 707.656.500 đồng vào Ngân sách nhà nước.

Như vậy tài sản còn lại để chia: **2.746.543.500 đồng.**

Tài sản của cụ Ngô M là $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất tương đương số tiền: 1.373.271.750 đồng.

Di sản của cụ Đặng Thị L là $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất tương đương số tiền: 1.373.271.750 đồng.

**Về phân chia tài sản của cụ M:*

Do cụ M chết trước cụ L (cụ M chết năm 1975, cụ L chết năm 2011), các đồng thừa kế đều thống nhất tài sản của cụ M chưa chia và có yêu cầu chia. Vì vậy, tài sản của cụ M được chia thành 8 phần gồm: cho vợ là cụ Đặng Thị L và 07 người con gồm các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y, mỗi phần: 171.658.968 đồng.

**Về phân chia di sản của cụ Lợi:* $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất: 1.373.271.750 đồng và giá trị tài sản cụ L được nhận từ tài sản của cụ M là: 171.658.968 đồng. Tổng cộng: 1.544.930.718 đồng; được chia cho 07 người con là các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y, mỗi phần: 220.704.388 đồng.

Như vậy, giá trị tổng tài sản các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y mỗi người được nhận là: 392.363.356 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

[2.7] Về giao tài sản: Thực tế trên lô đất ông Ngô M T đã xây dựng một ngôi nhà 1 tầng; diện tích 75m²; kết cấu T1 xây, vách tôn, nền gạch hoa + xi măng, mái lợp tôn, sà gồ gỗ, phần hiên 15m² (mái tôn), cổng ngõ bằng sắt trên lô đất này và cùng vợ, con sinh sống từ năm 2012 đến nay. Các đồng thừa kế đều có chỗ ở ổn định và thống

nhất giao cho ông T toàn quyền định đoạt tài sản này. Do đó, cần giao cho ông T nhận lô đất và có trách nhiệm trích trả kỷ phần cho các ông, bà: R, T1, Đ, Y, H và Y mỗi người số tiền: 392.363.356 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

Trước khi Tòa án thụ lý vụ kiện thì các đồng thừa kế gồm các ông bà: Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị M Y và Ngô Thị M H đã thống nhất giao cho ông Ngô M T toàn quyền định đoạt lô đất có số hiệu 63, đường 5,5m - khu làng cá N trên cho ông T được toàn quyền quản lý, định đoạt sau khi mỗi người đã nhận từ ông T số tiền 150.000.000 đồng và trong quá trình giải quyết vụ án không yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ thối trả số tiền còn lại.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các ông bà Y, T1, Đ, Y, và H không trái pháp luật nên được chấp nhận. Vì vậy các kỷ phần của ông bà này sẽ giao lại cho ông Trường. Do đó ông T không thực hiện nghĩa vụ thối trả và các ông, bà Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị M Y và Ngô Thị M H.

Như vậy, ngoài việc đương nhiên được nhận kỷ phần 392.363.356 đồng, ông T còn được nhận số tiền còn lại các ông bà: Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị M Y và Ngô Thị M H tự nguyện giao cho ông toàn quyền định đoạt, sở hữu là: 1.961.816.780 đồng. Như vậy, giá trị tài sản ông Ngô M Trường được hưởng là: 2.354.180.136 đồng.

Trên thực tế, hiện nay ông Ngô M T đã xây dựng một ngôi nhà 1 tầng; diện tích 75m²; kết cấu T1 xây, vách tôn, nền gạch hoa + xi măng, mái lợp tôn, sà gỗ gỗ, phần hiên 15m² (mái tôn), cổng ngõ bằng sắt trên lô đất này và cùng vợ, con sinh sống từ năm 2012 đến nay, các đồng thừa kế đều xác định đây là tài sản của ông T xây dựng nên, không ai tranh chấp tài sản này.

- Xét điều kiện của ông Ngô R đã có nơi ở ổn định tại địa chỉ: Tổ 39, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng và không có nhu cầu nhận kỷ phần bằng hiện vật, ông chỉ yêu cầu nhận giá trị bằng tiền tương đương với phần mình được chia.

- Còn đối với ông T, hiện nay ông đang cùng gia đình ở trên lô đất này, trên lô đất này gia đình ông đã xây dựng trên đó một căn nhà 1 tầng để ở. Hiện nay ông không có chỗ ở nào khác. Đồng thời như phân tích trên, do các anh em của ông T là Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị M Y và Ngô Thị M H đã tự nguyện nhường kỹ phần của mình cho ông T. Do đó xét thấy cần giao lô đất có số hiệu: 63 - khu A3 tại khu dân cư Làng cá N tại số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng trên cho ông T tiếp tục quản lý sử dụng. Ông T có trách nhiệm bồi trả cho ông R số tiền là: 392.363.356 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Ngô R tự nguyện chịu. (*Đã nộp, đã chi*).

[7] Về chi phí thẩm định giá tài sản: 13.000.000 đồng. Ông Ngô R (đã nộp, đã chi theo phiếu thu ngày 01/6/2021). Do đây là chi phí để xác định giá trị tài sản tranh chấp nên các đồng thừa kế là các ông, bà: R, T (Đ), T1, Đ, Y, H và Y phải chịu, mỗi người phải hoàn cho ông R số tiền, là: 1.857.142 đồng.

Tuy nhiên, do ông T được nhận kỹ phần của các ông bà: T1, Đ, Y, H và Y nên phải chịu chi phí thẩm định giá thay cho những người này. Như vậy, ông T (Đ) phải hoàn lại cho ông R số tiền 11.136.852 đồng.

[8] Về án phí:

Ông T và ông R tranh chấp và được Tòa án điều chỉnh bằng bản án, do đó ông T và ông R mỗi người phải chịu án phí đối với giá trị tài sản được nhận. Tuy nhiên, do ông T được nhận kỹ phần của các ông bà: T1, Đ, Y, H và Y nên phải chịu án phí thay cho những người này. Như vậy, ông T phải chịu án phí đối với tài sản được nhận là: 79.083.602 đồng. Cụ thể:

$$(72.000.000đ + 2 \% \times (2.354.180.136đ - 2.000.000.000đ) = 79.083.602 \text{ đồng.}$$

Ông R là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí. Do đó HĐXX miễn toàn bộ án phí cho ông R theo quy tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2

Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 5, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 165; khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 651, 658 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Án lệ số 06/2016/AL ngày 06/4/2016;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô R đối với ông Ngô M T về việc yêu cầu: *“Chia di sản thừa kế theo pháp luật và chia tài sản chung”* của cụ Ngô M và cụ Đặng Thị L.

2. Xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng tài sản của cụ M và di sản của cụ L gồm: Ông Ngô R, bà Ngô Thị Y, ông Ngô M T1, bà Ngô Thị M Y, ông Ngô M Đ, bà Ngô Thị M H và ông Ngô M T (D).

3. Công nhận lô đất số hiệu: 63, khu A3 có chiều dài 18 m; chiều rộng 5m; diện tích 90m² - Khu dân cư Làng cá N tại địa chỉ: Số 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng (*chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*). Có tứ cận: Đông giáp: Số nhà 276 đường Bùi Huy B; Tây giáp: Số nhà 280 đường Bùi Huy B; Nam giáp: Đường Bùi Huy B; Bắc giáp: Đất trống; có giá trị 3.636.000.000 đồng là tài sản của cụ ông Ngô M (O) và cụ bà Đặng Thị L (Đặng Thị M C) để lại.

3.1 Sau khi trích trừ 5% (181.800.000 đồng) công sức bảo quản di sản cho ông Ngô M T (D) và trừ tiền lệ phí trước bạ, tiền thuế đất: 707.656.500 đồng ông T đã nộp, giá trị tài sản còn lại để chia là: 2.746.543.500 đồng (*Hai tỷ bảy trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn năm trăm đồng*).

3.2 Về phân chia tài sản:

3.2.1 Tài sản của cụ M để lại là: $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất: 1.373.271.750 đồng; được chia thành 8 phần gồm: cho vợ là cụ Đặng Thị L và 07 người con gồm các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y, mỗi phần: 171.658.968 đồng.

3.2.2 Di sản của cụ L để lại là: $\frac{1}{2}$ giá trị lô đất: 1.373.271. 750 đồng và giá trị tài sản cụ L được nhận từ tài sản của cụ M là: 171.658.968 đồng. Tổng cộng: 1.544.930.718 đồng; được chia cho 07 người con là các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y, mỗi kỳ phần: 220.704.388 đồng.

Tổng giá trị tài sản các ông, bà: Ngô R, Ngô M T (Ngô M D), Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị Y, Ngô Thị M H và Ngô Thị M Y mỗi người được nhận là: 392.363.356 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của các ông bà: Ngô Thị Y, Ngô M T1, Ngô M Đ, Ngô Thị M Y và Ngô Thị M H về việc giao cho ông Ngô M T (D) được toàn quyền định đoạt, sở hữu kỳ phần của mình sau khi mỗi ông bà đã nhận từ ông T (D) số tiền 150.000.000 đồng.

Như vậy ông Ngô M Trường được hưởng giá trị tài sản tương đương: 2.354.180.136 đồng.

5. Về giao di sản: Giao cho ông Ngô M T (D) lô đất số hiệu: 63, khu A3 gắn liền với ngôi nhà 1 tầng; diện tích 75m²; kết cấu T1 xây, vách tôn, nền gạch hoa + xi

mãng, mái lợp tôn, sà gồ gổ, phần hiên 15m² (mái tôn), tại số 278 Bùi Huy Bích, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

6. Buộc ông Ngô M T (D) thời trả cho ông Ngô R số tiền: 392.363.356 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi sáu đồng*).

Ông Ngô M T được liên hệ với các cơ quan thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với nhà - đất tại 278 Bùi Huy B, tổ 36, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định: Ông Ngô R tự nguyện chịu: (*Đã nộp, đã chi*).

8. Về chi phí định giá tài sản: Buộc ông Ngô M T (D) phải hoàn lại cho ông Ngô R số tiền: 11.136.852 đồng (*Mười một triệu một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Về án phí DS-ST:

9.1 Miễn toàn bộ án phí cho ông Ngô R.

9.2 Ông Ngô M T (D) phải nộp số tiền: 79.083.602 đồng. (*Bảy mươi chín triệu không trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm lẻ hai đồng*).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận (*hoặc niêm yết*) bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đông Thanh